

**QUẢN LÝ VIỆC LIÊN THÔNG NGUỒN HỌC LIỆU GIỮA THƯ VIỆN
CHÍNH VÀ THƯ VIỆN NHÁNH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH**

NCS. Bùi Thu Hằng¹

HVCH. Trần Huệ Vân²

HVCH. Lê Vũ Ngọc Duyên³

NCS. Trần Bảo Ngọc⁴

CN. Vũ Nguyên Anh⁵

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

Tóm tắt: Vấn đề liên thông giữa thư viện các trường đại học, giữa các thư viện nhánh và thư viện chính trong cùng một trường giúp nhà trường quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn học liệu, tiết kiệm kinh phí bổ sung tài liệu, cải tiến chất lượng dịch vụ cung cấp thông tin phục vụ đào tạo và nghiên cứu ngày càng được chú trọng. Bài viết cung cấp khái quát vai trò và một số mô hình quản lý việc liên thông nguồn học liệu giữa thư viện chính và thư viện nhánh ở trường đại học trên thế giới. Đồng thời bài viết trình bày thực trạng việc quản lý liên thông nguồn học liệu tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM. Qua đó, nhóm tác giả đưa ra một số đề xuất nâng cao chất lượng quản lý liên thông nguồn học liệu tại Trường.

Từ khóa: liên thông học liệu, chia sẻ thông tin, thư viện chính, thư viện nhánh

1. Dẫn nhập

Ngày nay, hoạt động giáo dục đại học luôn gắn liền với hoạt động chuyên giao tri thức và nghiên cứu khoa học. Trong đó, khả năng cung cấp nguồn học liệu đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của các giảng viên, nhà nghiên cứu, sinh viên và học viên sau đại học (sau đây gọi chung là người dùng tin) trong trường đại học là yếu tố đóng vai trò quyết định chất lượng của hoạt động này (Ka, 2005; MacColl, 2010). Vì vậy, thư viện đại học trên thế giới nói chung và thư viện đại học Việt Nam nói riêng đang được xem là một bộ phận quan trọng, góp phần thiết thực vào quá trình nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu của các trường đại học, trở thành một trong những tiêu chí đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ GD&ĐT, 2017). Tuy nhiên, trong bối cảnh bùng nổ thông tin hiện nay, việc vừa đáp ứng nhu cầu ngày càng đa

¹ Email: bthang@hcmussh.edu.vn

² Email: tranvan@hcmussh.edu.vn

³ Email: levungocduyen@hcmussh.edu.vn

⁴ Email: baongoc12d1@yahoo.com.vn

⁵ Email: vunguyenanh@hcmussh.edu.vn

dạng và đòi hỏi ở mức cao hơn về tài liệu phục vụ chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu của người dùng tin, vừa phải đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng nhưng ngân sách bổ sung còn nhiều hạn chế đã và đang trở thành thách thức lớn đặt ra cho các thư viện đại học. Trên cơ sở đó, việc liên thông nguồn học liệu giữa thư viện chính (thư viện trung tâm của trường đại học) và thư viện nhánh được đánh giá là một trong những giải pháp tất yếu nhằm tối ưu hoá khả năng phục vụ thông tin của thư viện trường đại học và khai thác hiệu quả nguồn lực sẵn có tại các thư viện khoa/bộ môn, trung tâm nghiên cứu thuộc trường đại học.

2. Khái quát về thư viện nhánh

Khái niệm về thư viện nhánh hoặc thư viện riêng biệt, tách biệt với tòa nhà thư viện chính được phát triển ở Đức vào cuối thế kỷ XIX và có ảnh hưởng lớn đến sự thành lập của các thư viện nhánh tại các trường đại học ở Mỹ. Các giảng viên (GV) người Đức sử dụng phương pháp giảng dạy, trong đó sinh viên (SV) được yêu cầu thực hiện quá trình điều tra các ý tưởng dựa trên việc kết hợp các phương pháp học tập như: phương pháp thí nghiệm, phương pháp lịch sử, phương pháp so sánh, vì thế đòi hỏi nhu cầu tiếp cận nhanh chóng với nhiều nguồn tài liệu chuyên ngành và sách tham khảo. Các GV đóng góp sách, thường là các bộ sưu tập cá nhân để hình thành các thư viện học thuật cho SV của họ. Trong quá trình giảng dạy, các GV nhận thấy việc sử dụng các bộ sưu tập sách của riêng mình mang tính cập nhật hơn là dựa vào hệ thống mục lục thư viện truyền thống, đồng thời sách do các GV cung cấp cũng tiếp cận dễ dàng hơn vì được lưu giữ trong các văn phòng của GV. Bên cạnh sự tác động từ cách thức tổ chức của thư viện học thuật tại Đức, tại Mỹ, do nhu cầu phải bổ sung số lượng lớn tài liệu để phục vụ đào tạo sau đại học và sự hạn chế về không gian của các thư viện chính của các trường đại học tại Mỹ, nên việc hình thành các thư viện bộ phận hay thư viện nhánh tại các khoa/bộ môn trở thành một lựa chọn khả thi vào giai đoạn cuối thế kỷ 19 (Seal, 1986; Zdravkovska, 2011).

Theo Seal (1986) và Zdravkovska (2011), vào những năm 50 của thế kỷ 20, thuật ngữ “thư viện bộ phận” (departmental library) và “thư viện nhánh học thuật” (branch academic library) được sử dụng thay thế lẫn nhau khi muốn đề cập đến thư viện học thuật tại các đơn vị chuyên môn - một khoa thuộc một trường đại học (Seal, 1986; Zdravkovska, 2011).

Từ điển thuật ngữ về Khoa học Thông tin - Thư viện của Hiệp hội Thư viện trường đại học tại Mỹ cung cấp định nghĩa về “thư viện bộ phận” như sau: *“Trong một hệ thống thư viện học thuật, một thư viện riêng hỗ trợ nhu cầu thông tin của một bộ phận học thuật cụ thể. Có thể là một thư viện nhánh bên ngoài thư viện chính, hoặc nằm trong thư viện chính”* (Seal, 1986: 186).

Theo Từ điển trực tuyến Khoa học Thông tin - Thư viện của Seal (1986) và của Reitz (2002), thư viện nhánh là nơi cung cấp dịch vụ hỗ trợ thuộc hệ thống thư viện, có cơ sở vật chất tách biệt với thư viện chính. “Thư viện chính” là cơ quan quản lý cao nhất về chính sách, ngân sách, thời gian làm việc, đội ngũ nhân viên và bộ sưu tập tài liệu của thư viện nhánh (một thư viện nhánh có ít nhất một bộ sưu tập tài liệu).

Dựa vào những lý thuyết trên, có thể mô tả: “thư viện nhánh” là thư viện riêng hỗ trợ nhu cầu thông tin của một bộ phận học thuật cụ thể, thuộc một hệ thống thư viện học thuật của một trường đại học. Thư viện nhánh với tư cách là tủ sách học thuật/trung tâm tư liệu/thư viện của một khoa/bộ môn thường được đặt tại văn phòng khoa hoặc nằm trong thư viện chính.

3. Vai trò của quản lý liên thông nguồn học liệu giữa thư viện chính và thư viện nhánh

Trong xã hội thông tin sẽ không thể tồn tại những thư viện độc lập, đơn lẻ, vì nhiều lí do như: Hệ thống mục lục tra cứu cho các bộ sưu tập tài liệu giấy bị phân mảnh và không hỗ trợ sự vận hành liên kết một cách thống nhất, dẫn đến nguồn thông tin thư viện không có chất lượng, gây khó khăn cho người dùng tin trong việc tiếp cận, đặc biệt người dùng tin là các cán bộ quản lý và nhà nghiên cứu cần một hình thức truy cập mới, tích hợp, thống nhất và dễ dàng sử dụng. Do đó, hình thức liên kết, chia sẻ nguồn tài liệu là xu hướng rất được quan tâm, chú trọng tại các thư viện đại học tại Việt Nam nói riêng và trên thế giới nói chung. Tuy nhiên, hiện nay không có một thư viện nào tại Việt Nam có đủ điều kiện thu thập đầy đủ nguồn tài liệu khổng lồ và đáp ứng được tất cả nhu cầu của người sử dụng tin. Vì thế, các thư viện phải phối hợp với nhau để tạo thành một dòng chảy thông tin thống nhất, từ đó tổ chức, chia sẻ tài nguyên thông tin, hợp tác trong công tác bổ sung, chia sẻ mục lục liên hợp, sử dụng các dịch vụ dùng chung nhằm tạo điều kiện cho người dùng tin truy cập thông tin một cách thuận tiện và nhanh chóng (Võ Thị Hải Vân & Trần Thị Hiền, 2007).

Hiện nay, hầu hết các khoa/bộ môn trong trường đại học đều có thư viện/trung tâm tư liệu riêng, đây là điều tất yếu trong quá trình hình thành và phát triển. Tuy nhiên, như đã đề cập ở trên, trong kỷ nguyên toàn cầu hóa mạnh mẽ như hiện nay, mỗi thư viện đơn lẻ sẽ không thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin cho người dùng tin. Mặc khác, quản lý việc liên kết giữa các thư viện là một trong những tiêu chí quan trọng trong công tác đánh giá chất lượng giáo dục đào tạo của các trường đại học (Bộ GD&ĐT, 2017). Mục đích của việc liên kết giữa các thư viện là tạo điều kiện cho người dùng tin trong và ngoài trường có thể khai thác các nguồn tài nguyên, dịch vụ ở các thư viện nhánh hay các thư viện thành viên. Ngoài ra, việc liên thông này còn là dịp để các nhân viên phụ trách giữa các thư viện có thể trao đổi, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và mở rộng quan hệ trong chính sách liên thông giữa các thư viện chính và thư viện nhánh trong Nhà trường. Chính vì vậy, vấn đề liên thông, liên kết thư viện là xu thế phát triển tất yếu, là giải pháp tối ưu cho sự phát triển của hệ thống thông tin thư viện tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay.

4. Các mô hình quản lý liên thông nguồn học liệu phổ biến

4.1. Mô hình liên thông nguồn học liệu

Để việc kết nối, liên thông đạt được kết quả tốt, việc xây dựng một mô hình phù hợp để thúc đẩy hiệu quả công việc là vô cùng cần thiết. Trong các nghiên cứu của mình, các tác giả Anglada (1999), Ahmad Bakeri Abu Bakar (2009), Mezbah-ul-Islam (2005), Ghosh (2011), Francis (2012) đã đề xuất một số mô hình liên kết và cho thấy

các mô hình này đang cung cấp tài nguyên thông tin giữa các thư viện thành viên, cũng như đưa ra các khuyến nghị, đề xuất các hướng mới trong tương lai tại các thư viện nói chung và tại một số thư viện đại học ở các nước đang phát triển nói riêng. Bên cạnh đó, ở trong nước, các tác giả Đỗ Tiến Vượng (2013) và Đỗ Văn Hùng (2017) đã chỉ ra và làm rõ hai loại mô hình có thể áp dụng trong thực tế thư viện đại học ở Việt Nam hiện nay, cụ thể là “mô hình tập trung” và “mô hình phân tán” như sau:

4.1.1. Mô hình liên thông phân tán

Ở mô hình liên thông phân tán, mỗi thư viện đóng vai trò là một mắt xích trong chuỗi các nhà cung cấp dịch vụ cho người dùng tin. Mỗi thư viện là một đơn vị cung cấp thông tin độc lập và sẽ tiến hành phục vụ liên thư viện khi có yêu cầu từ phía thư viện trong hệ thống hoặc từ phía người dùng tin. Điểm mấu chốt ở đây là không có cơ sở dữ liệu dùng chung hay cổng khai thác thông tin chung, thay vào đó các thư viện cung cấp các tài nguyên và dịch vụ của mình thông qua website riêng của từng thư viện. Các thư viện thỏa thuận hợp tác hỗ trợ phục vụ người dùng trong hệ thống khi có yêu cầu.

Đặc điểm của mô hình này có tính hợp tác, tính chịu trách nhiệm không cao. Các thư viện có thể ký thỏa thuận hợp tác, tuy nhiên việc triển khai sẽ phụ thuộc vào mỗi thư viện. Các thư viện sẽ xây dựng cách thức phục vụ liên thư viện cũng như phục vụ người dùng ngoài thư viện tùy thuộc vào năng lực và chính sách riêng của mình.

Ưu điểm: việc đầu tư không lớn, có thể sử dụng hạ tầng công nghệ sẵn có tại mỗi thư viện và bổ sung nâng cấp thêm; sự phụ thuộc giữa các thư viện không cao, do vậy khi có sự cố tại một thư viện hay một thư viện nào đó rút khỏi hệ thống thì các thư viện khác vẫn tiếp tục hoạt động; công việc quản lý được phân đều cho các thư viện.

Tuy nhiên, nó tiềm tàng một sự tan rã nếu như các thư viện không có sự cam kết mạnh mẽ và người dùng tin có thể gặp khó khăn khi muốn sử dụng thư viện (Đỗ Tiến Vượng, 2013; Đỗ Văn Hùng, 2017).

4.1.2. Mô hình liên thông tập trung

Mô hình liên thông tập trung (hay còn gọi là mô hình khai thác tập trung) được xem là mô hình hướng đến người sử dụng. Điểm mấu chốt của mô hình phối hợp này là tạo lập một cổng tra cứu chung cho cộng đồng người dùng tin của các thư viện tham gia hợp tác.

Đặc điểm của mô hình này là sự hợp tác rất cao. Các thư viện tham gia hợp tác sẽ cùng nhau xây dựng một cổng tra cứu chung và cùng cung cấp các dịch vụ thư viện (có tính liên thông trong hệ thống) thông qua một cổng thông tin. Cổng thông tin được quản lý bởi thư viện trung tâm.

Ưu điểm: chính sách của các thư viện thống nhất, thông tin và dữ liệu có tính duy nhất, không trùng lặp, dị bản; hoạt động của hệ thống xuyên suốt và ít trở ngại; truy cập thông tin nhanh và chính xác, người dùng tin chỉ cần kết nối với cổng thông tin chung là có thể truy cập được thông tin họ cần; việc duy trì, bảo trì hệ thống được dễ dàng.

Nhược điểm: tốn kém, có thể phải xây dựng cả một hệ thống mới để đáp ứng nhu cầu của các thư viện nhánh. Thêm nữa, nếu như có xảy ra sự cố tại trung tâm, cả hệ thống sẽ bị ảnh hưởng (Đỗ Tiến Vượng, 2013; Đỗ Văn Hùng, 2017).

4.2. Mô hình quản lý việc liên thông nguồn học liệu tại các thư viện đại học

Để đảm bảo mô hình liên kết hoạt động một cách thuận lợi, cần có những mô hình quản lý việc liên kết đó. Thông thường, để thuận tiện cho hoạt động, một số mô hình liên kết áp dụng hình thức quản lý theo từng đơn vị. Bên cạnh đó, tác giả McLaren (2001) đã đề xuất mô hình quản lý theo nhóm công việc thay cho quản lý theo các đơn vị truyền thống tại hệ thống thư viện Trường Đại học Kentucky, Hoa Kỳ. Các mô hình quản lý tại các hệ thống thư viện khác nhau, trong những điều kiện thực tế không giống nhau, sẽ phát huy được những ưu điểm của mình.

4.2.1. Mô hình quản lý theo đơn vị

Mô hình quản lý theo đơn vị là loại mô hình quản lý phân tán. Các đơn vị vẫn giữ nguyên cách thức hoạt động, quy trình xử lý nghiệp vụ, phục vụ của mình; nhận sự chỉ đạo duy nhất từ Trường đơn vị.

Ưu điểm: không mất nhiều thời gian để thích ứng với quy trình làm việc mới (nếu quy trình làm việc của các đơn vị là khác nhau).

Nhược điểm: không có sự thống nhất về chính sách, dễ xảy ra việc trùng lặp khi bổ sung. Mặt khác, dẫn đến một số khó khăn cho người dùng tin khi tìm kiếm và sử dụng tài nguyên tại các đơn vị khác nhau.

4.2.2. Mô hình quản lý theo nhóm công việc

Mô hình quản lý theo nhóm công việc là một loại mô hình quản lý tập trung. Các đơn vị sẽ thống nhất dùng chung một quy trình nghiệp vụ, phục vụ; nhận sự chỉ đạo thống nhất từ Ban lãnh đạo nhà trường/Ban Giám đốc của thư viện trung tâm.

Ưu điểm: có sự chỉ đạo thống nhất về mặt nghiệp vụ và xây dựng chính sách hỗ trợ, các thư viện nhánh sẽ được hỗ trợ về mặt nghiệp vụ và đào tạo chuyên môn. Ngoài ra việc quản lý tập trung sẽ tránh sự trùng lặp trong việc xây dựng đề án bổ sung mới.

Nhược điểm: các thư viện nhánh sẽ chịu sự lãnh đạo “kép” (từ Ban Chủ nhiệm Khoa và Ban Giám đốc thư viện trung tâm) trong khi nhận thức và đánh giá vai trò của thư viện của lãnh đạo các đơn vị khác nhau. Hay nói một cách cụ thể về hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, thư viện nhánh phải theo tiêu chuẩn/nguyên tắc của thư viện trung tâm, còn một số hoạt động khác như chính sách phục vụ sẽ theo sự chỉ đạo của khoa. Vì vậy, các thư viện nhánh sẽ chịu hai tầng quản lý. Ngoài ra, sự chênh lệch về số lượng nhân viên giữa các thư viện gây nên tình trạng quá tải cho các nhân viên khi tham gia các hoạt động chung.

5. Thực trạng quản lý liên thông nguồn học liệu tại Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

Tính đến năm 2019, ngoài Thư viện Trường (được xem là Thư viện chính), hầu hết các khoa/bộ môn tại Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM đều có một tủ sách học thuật,

trung tâm tư liệu hoặc thư viện riêng (được xem là Thư viện nhánh) với vốn tài liệu tập trung chủ yếu vào các ngành đào tạo của chính khoa/bộ môn đó. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này, nhóm tác giả lựa chọn khảo sát thực trạng quản lý liên thông nguồn học liệu tại 05 khoa/bộ môn đã và đang chuẩn bị đánh giá kiểm định cấp chương trình đào tạo theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA. Cụ thể là Khoa Công tác Xã hội đã đánh giá xong chương trình đào tạo cử nhân, Khoa Ngữ văn Anh đã đánh giá xong chương trình đào tạo thạc sỹ; Khoa Nhật Bản học, Khoa Ngữ văn Trung Quốc và Khoa Địa lý đang trong giai đoạn chuẩn bị đánh giá chính thức chương trình đào tạo cử nhân.

5.1. Các nguồn lực của các thư viện nhánh được khảo sát

Thư viện của các khoa/bộ môn chủ yếu là các tủ sách với những tài liệu chuyên ngành, tài liệu quý được dùng cho hoạt động nghiên cứu và đào tạo của các cán bộ nghiên cứu, GV, học viên sau đại học (SDH) và SV của khoa/bộ môn đó. Đặc điểm chung nhất của các thư viện nhánh tại Trường là đều được thành lập và chịu sự quản lý của khoa/bộ môn và có sự khác nhau rõ rệt về nguồn lực.

- Về tên gọi, cách thức tổ chức kho, cách thức quản lý và lưu trữ thông tin, đối tượng và thời gian phục vụ của 05 khoa/bộ môn được khảo sát thể hiện cụ thể trong Bảng 1 như sau:

Bảng 1. Tên gọi, cách thức tổ chức kho, cách thức quản lý và lưu trữ thông tin, đối tượng và thời gian phục vụ tại thư viện của các khoa/bộ môn được khảo sát

Khoa	Ngữ văn Anh	Nhật Bản học	Ngữ văn Trung Quốc	Công tác xã hội	Địa lý
Tên gọi	Trung tâm tư liệu	Thư viện khoa	Tủ sách	Tủ sách	Tủ sách
Cách thức tổ chức kho	Tổ chức kho đóng và sắp xếp theo số đăng ký cá biệt của từng chuyên ngành đào tạo	Tổ chức kho đóng và sắp xếp theo số đăng ký cá biệt của từng chuyên ngành đào tạo	Tổ chức tủ đóng và sắp xếp theo môn loại khoa học	Tổ chức tủ đóng và sắp xếp theo chuyên ngành đào tạo	Tổ chức tủ đóng và sắp xếp theo môn loại khoa học
Cách thức quản lý và lưu trữ thông tin	Danh mục tài liệu được tạo lập, theo dõi trên công cụ Excel và cả bản giấy	Danh mục tài liệu được tạo lập, theo dõi trên công cụ Excel và cả bản giấy	Danh mục tài liệu được tạo lập, theo dõi trên công cụ Excel và cả bản giấy	Danh mục tài liệu được tạo lập, theo dõi trên công cụ Word và cả bản giấy	Danh mục tài liệu được tạo lập, theo dõi trên công cụ Excel và cả bản giấy
Đối tượng phục vụ	Tất cả GV-SV-học viên SDH trong khoa hoặc bạn đọc ngoài có đăng ký thẻ thư viện	Tất cả GV-SV-học viên SDH trong khoa	GV của khoa	Tất cả GV-SV-học viên SDH trong khoa	Tất cả GV-SV-học viên SDH trong khoa

Thời gian phục vụ	Trong giờ hành chính, từ thứ Hai đến thứ Sáu
Hình thức phục vụ	Hầu hết phục vụ đọc tại chỗ (vì tài liệu thường chỉ có một bản duy nhất)

- *Vốn tài liệu:*

Theo số liệu thống kê năm 2019, vốn tài liệu ở 05 khoa được khảo sát khá đa dạng về loại hình và phong phú về số lượng, bao gồm: sách, luận văn - luận án, báo - tạp chí, tài liệu điện tử (băng đĩa, CD/DVD, sách điện tử). Theo *Bảng 2. Số lượng vốn tài liệu hiện có theo loại hình* của các Tủ sách/Thư viện khoa được khảo sát cho thấy, tài liệu tập trung nhiều nhất tại khoa Ngữ văn Anh (với 8.344 nhan đề/8.844 bản tài liệu), đứng thứ hai là Khoa Nhật Bản học (với 2.500 nhan đề/3.192 bản tài liệu), kế đến là Khoa Địa lý (với 825 nhan đề/825 bản tài liệu), Khoa Công tác xã hội (với 370 nhan đề/392 bản tài liệu) và Khoa Ngữ văn Trung Quốc có nguồn học liệu thấp nhất trong các khoa được khảo sát (với 138 nhan đề/260 bản tài liệu).

Ngoài ra, tại Thư viện của Khoa ngữ văn Anh, Khoa Nhật Bản học còn có trang bị máy tính kết nối internet để người dùng tin có thể tìm và sử dụng tài liệu trên mạng.

Bảng 2. Số lượng vốn tài liệu hiện có của thư viện nhánh theo loại hình

Khoa	Sách		Luận văn, luận án		Báo, tạp chí		Tạp chí điện tử	
	Nhan đề	Số bản	Nhan đề	Số bản	Nhan đề	Số bản	Băng đĩa CD/ DVD	File
Ngữ văn Anh	6500	7000	394	394			1450	-
Nhật Bản học	2295	2840	54	54	5	298	146	-
Ngữ văn Trung Quốc	115	237	-	-	-	-	23	-
Công tác xã hội	340	340	2	2	20	-	10	30
Địa lý	375	375	450	450	-	-	-	-

- *Nguồn nhân lực:*

Theo kết quả khảo sát, cán bộ phụ trách các Thư viện nhánh do các khoa chủ quản quản lý. Do vậy tùy vào điều kiện và đặc thù ở từng khoa mà số lượng nhân viên phục vụ các hoạt động của Thư viện nhánh, cũng như yêu cầu về trình độ nhân viên thư viện có sự khác biệt. Hiện tại, mỗi Thư viện của khoa/bộ môn có 01 cán bộ phụ trách. Tuy nhiên, phần lớn trong số họ (4/5 khoa được khảo sát) là cán bộ kiêm nhiệm và không có trình độ chuyên môn về thư viện, ngoại trừ Khoa Ngữ văn Anh có 02 cán bộ chuyên trách thư viện và có trình độ chuyên môn về thư viện.

- *Trụ sở, trang thiết bị:*

Ngoài Thư viện của Khoa Ngữ văn Anh và Khoa Nhật Bản học được trang bị một phòng phục vụ riêng biệt, đồng thời có trang bị một số máy tính được kết nối mạng

internet để hỗ trợ người dùng tìm kiếm tài liệu, các khoa còn lại không có phòng phục vụ riêng và không được trang bị máy tính tra cứu. Phần lớn chỉ là những tủ sách được khóa kín đặt tại văn phòng làm việc của khoa.

- Kinh phí hoạt động:

Kết quả khảo sát năm 2019 cho thấy, ngoài Khoa Ngữ văn Anh có kinh phí bổ sung tài liệu cố định được trích ra từ nguồn thu học phí của các hệ đào tạo chất lượng cao, còn lại các khoa khác đều không có kinh phí bổ sung tài liệu cố định. Tài liệu của các khoa này hầu hết có được từ nguồn nhận tặng như: Khoa Ngữ văn Trung Quốc và Khoa Địa lý có nguồn nhận tặng từ các GV trong khoa đi học ở nước ngoài; Khoa Công tác xã hội có nguồn nhận tặng từ các tổ chức tài trợ trong và ngoài nước.

Từ những thông tin trên có thể thấy, các nguồn lực hiện có và công tác phục vụ tại thư viện nhánh tại các khoa/bộ môn được khảo sát có những điểm chung như sau:

- (1) Sở hữu nguồn học liệu chuyên ngành đa dạng về loại hình;
- (2) Số lượng cán bộ làm công tác thư viện còn ít, đa số là kiêm nhiệm;
- (3) Tổ chức kho theo chuyên ngành và môn loại;
- (4) Chỉ phục vụ bạn đọc trong giờ hành chính và đối tượng phục vụ còn hạn chế;
- (5) Lưu trữ thông tin tài liệu theo cách truyền thống;
- (6) Kinh phí cho việc bổ sung tài liệu không ổn định;
- (7) Có những khó khăn nhất định trong quá trình phục vụ như: Việc bổ sung tài liệu không có kế hoạch đều đặn; Quản lý thủ công, chưa có phần mềm quản lý thư viện; Chưa có chính sách, sự nhất quán trong việc tổ chức kho cũng như đối tượng phục vụ; Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ thư viện nhánh còn hạn chế trong khi công tác đào tạo cán bộ cho thư viện nhánh chưa thật sự được chú trọng.

5.2. Thực trạng quản lý liên thông nguồn học liệu giữa Thư viện Trường với các thư viện nhánh và giữa các thư viện nhánh với nhau trong Trường

Để đánh giá thực trạng và sự cần thiết của việc quản lý liên thông nguồn học liệu giữa Thư viện Trường và các Tủ sách/Thư viện của các khoa/bộ môn, nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Mẫu khảo sát theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên nhằm đảm bảo tính khách quan, tính chính xác và tính đại diện của mẫu, với tổng số phiếu phát ra là 207 phiếu cho 03 nhóm đối tượng của 05 khoa như đã nêu trên, gồm: 146 SV (chiếm tỷ lệ 70.53%), 24 học viên SĐH (chiếm tỷ lệ 11.6%), 37 GV (chiếm tỷ lệ 17.87%). Cơ cấu mẫu khảo sát theo nhóm người dùng tin được trình bày tại *Bảng 3*:

Bảng 3. Cơ cấu mẫu theo nhóm người dùng tin

Nhóm người dùng tin	Số người	Tỷ lệ %
Sinh viên	146	70.20
Học viên SĐH	24	11.53
Giảng viên	38	18.27
Tổng	208	100.00

Bên cạnh đó, nhóm tác giả còn sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua phỏng vấn nhóm và cá nhân thuộc các nhóm người dùng tin. Phỏng vấn giúp làm rõ sự cần thiết của vấn đề liên thông nguồn học liệu dưới quan điểm của 03 đối tượng phục vụ tại Thư viện Trường và Tủ sách/Thư viện tại 05 khoa đại diện cho các khoa/bộ môn thuộc Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM. Số lượng phỏng vấn tổng cộng 30 người (gồm 10 GV, 5 học viên SĐH, 15 SV) được lựa chọn một cách ngẫu nhiên. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu còn phỏng vấn cán bộ thư viện Trường và cán bộ phụ trách Tủ sách/Thư viện tại các khoa/bộ môn để hiểu rõ hơn thực trạng quản lý liên thông này.

** Đánh giá thực trạng quản lý liên thông nguồn học liệu:*

Theo tác giả Seal (1986) đã tổng hợp 03 mô hình tổ chức quản lý thư viện cơ bản gồm mô hình tập trung không có thư viện nhánh, mô hình phân bố với một thư viện trung tâm và một vài thư viện nhánh và mô hình tổng hợp, trong đó mô hình phân bố là mô hình thường thấy. Ở các trường đại học công lập Việt Nam, cụ thể là Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM, Thư viện nhánh tồn tại dưới hình thức các tủ sách, trung tâm tư liệu, thư viện của các khoa/bộ môn, và đối tượng phục vụ hướng đến GV, học viên SĐH và SV của một khoa trực thuộc Trường. Việc tồn tại Tủ sách/Thư viện của các khoa/bộ môn là biểu hiện của mô hình phân bố được hình thành dựa trên định hướng chuyên ngành đào tạo và đối tượng sử dụng.

Trên thực tế theo kết quả phỏng vấn cán bộ thư viện Trường cho thấy, để phục vụ cho hoạt động đảm bảo và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường thành viên và hỗ trợ người dùng tin của Trường có thể tìm kiếm thông tin tại tất cả các thư viện trong hệ thống ĐHQG-HCM, một cổng truy cập chung giữa thư viện các trường đại học thuộc hệ thống ĐHQG-HCM đã được triển khai từ năm 2013. Ngoài ra, Thư viện Trường đã đạt được thành tựu trong việc liên hệ và liên thông nguồn học liệu với một số thư viện nước ngoài (điển hình như Thư viện Quốc gia Hàn Quốc, Thư viện Quốc gia Đài Loan) và thư viện trong nước (Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thư viện Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, Thư viện Đại học Văn Hiến). Tuy nhiên, qua kết quả khảo sát người dùng tin từ 05 khoa nêu trên cho thấy, vấn đề liên thông nguồn học liệu giữa Thư viện Trường và các thư viện khoa/bộ môn và giữa các thư viện khoa/bộ môn với nhau tại Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM là hoàn toàn chưa được triển khai thực hiện.

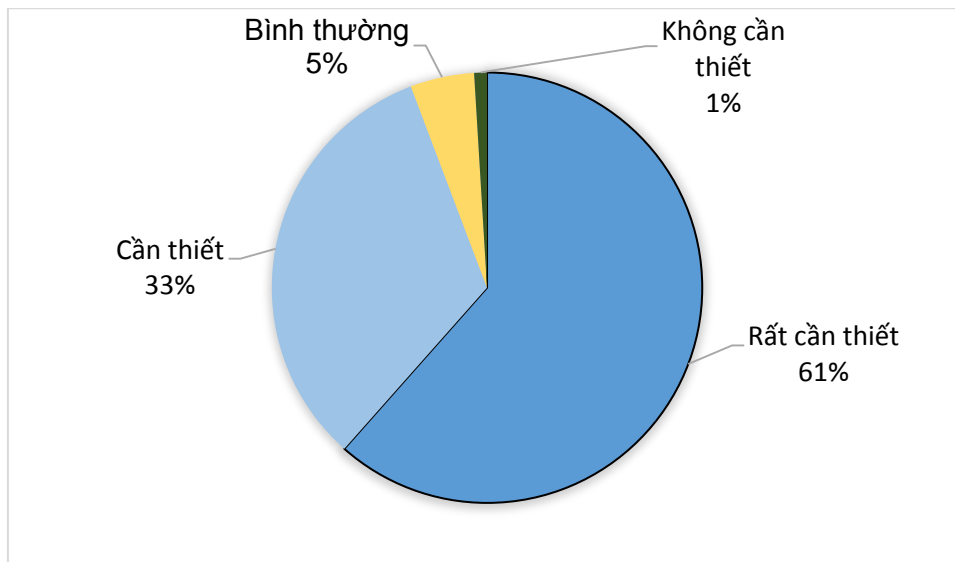
Bên cạnh đó, theo đánh giá của cán bộ phụ trách các thư viện nhánh, “các Tủ sách/Thư viện của các khoa/bộ môn chỉ hoạt động một cách riêng lẻ”. Mỗi thư viện là một đơn vị cung cấp thông tin độc lập và “sẽ tiến hành phục vụ liên thư viện khi có yêu cầu từ

bất kì thư viện nào trong hệ thống hoặc từ phía người dùng tin”. Hay nói cách khác, chính sách phục vụ cho người dùng tin khác đơn vị nếu có là do sự linh hoạt của cán bộ phụ trách thư viện và “*chỉ cho phép người dùng tin sử dụng dịch vụ đọc tại chỗ*”. Việc sử dụng thư viện khoa/bộ môn có cùng nhóm ngành đào tạo vẫn chưa được thực hiện. Hiện nay “*chưa có văn bản chính thức từ phía Nhà trường và các khoa/bộ môn qui định về sự liên kết trong các hoạt động cung cấp dịch vụ thông tin cũng như chia sẻ nguồn học liệu trong hoạt động của thư viện khoa/bộ môn*”. Điều này đã “*làm hạn chế khả năng truy cập và tiếp cận đến các nguồn tài liệu trong Nhà trường của người dùng tin*”.

Nhờ những hoạt động chuẩn bị cho các đợt kiểm định và đánh giá chất lượng đào tạo của các khoa và của toàn Trường, Thư viện Trường đã cải tiến chất lượng dịch vụ tra cứu và đẩy mạnh việc cho mượn liên thư viện để nâng cao hiệu quả phục vụ. Tuy nhiên, giữa Thư viện Trường và Tủ sách/Thư viện của các khoa/bộ môn thuộc Trường “*chưa có cơ sở dữ liệu dùng chung hay công khai thác thông tin chung*”. Thật vậy, trên thực tế, dữ liệu quản lý thông tin tài liệu của các thư viện khoa/bộ môn chưa được đổ chung vào hệ thống phần mềm quản lý dữ liệu biên mục của Thư viện Trường, bởi vì các thông tin biên mục tài liệu của các khoa/bộ môn không theo chuẩn nghiệp vụ thư viện. Chính vì vậy, giữa Thư viện Trường và thư viện nhánh tại các khoa/bộ môn không thể khai thác và bổ trợ nguồn lực thông tin lẫn nhau. “*Việc kết nối, liên thông mới dừng lại ở mức hỗ trợ các khoa đã và sẽ tham gia kiểm định chất lượng cấp chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA có thể được đánh giá tốt về tiêu chí thư viện*”. Điển hình như Thư viện Trường đã cử cán bộ nghiệp vụ đến các khoa xử lý biên mục tài liệu sơ bộ, tổ chức, sắp xếp lại tủ sách, kho tư liệu theo chuẩn nghiệp vụ của thư viện với cách thức quản lý của thư viện truyền thống; đồng thời cung cấp các minh chứng liên quan đến các hoạt động của Thư viện để phục vụ công tác đánh giá kiểm định tại các khoa. Hay nói cách khác, mô hình quản lý giữa Thư viện Trường và các thư viện nhánh của Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM là mô hình quản lý theo đơn vị, trong đó các đơn vị giữ nguyên cách thức hoạt động, quy trình xử lý nghiệp vụ, phục vụ, nhân sự thư viện và mọi đánh giá về mức độ hoạt động của Tủ sách/Thư viện của khoa/bộ môn đều nhận sự chỉ đạo trực tiếp và phụ thuộc vào quan điểm của lãnh đạo các khoa/bộ môn. Việc liên thông, kết nối nguồn học liệu được áp dụng theo mô hình hợp tác phân tán chứ chưa có sự kết nối một cách thống nhất và chặt chẽ giữa Thư viện trường và các thư viện nhánh trong Nhà trường.

** Sự cần thiết của việc quản lý liên thông nguồn học liệu:*

Đánh giá về mức độ cần thiết của việc liên kết nguồn học liệu giữa Thư viện Trường và các thư viện nhánh cho thấy: tỷ lệ người dùng tin cho rằng việc liên kết nguồn học liệu là *rất cần thiết* chiếm 128/208 phiếu (tương đương 61.54%), *cần thiết* chiếm 68/208 phiếu (tương đương 32.7%), bình thường chiếm 10/208 phiếu (tương đương 4.8%) và *không cần thiết* chỉ chiếm 2 phiếu (tương đương với 0.96%).



Biểu đồ 1. *Mức độ cần thiết của việc liên thông nguồn học liệu*

Đối với nhóm người dùng tin là SV khi được phỏng vấn cũng cho rằng việc kết nối, liên thông nguồn học liệu giữa Thư viện Trường và Tủ sách/Thư viện của các khoa/bộ môn sẽ *“rất tốt và hữu ích nếu thực hiện thành công mô hình”*. Tuy nhiên, SV còn thể hiện sự lo ngại, *“khi thực hiện hoạt động liên thông này cần quản lý một cách hiệu quả, đảm bảo các tài liệu không bị thiếu hụt so với nhu cầu của SV”*. SV cũng đề xuất cần *“tăng số lượng tài liệu và tăng khả năng đáp ứng nhu cầu của người dùng tin bằng cách mở rộng liên kết, liên thông với các thư viện nước ngoài”*.

Về phía nhóm người dùng tin là học viên SDH cũng nhận định về tính khả thi và cần thiết của việc liên thông nguồn học liệu vì có thể *“mở ra triển vọng về việc tìm kiếm tài liệu một cách tập trung hơn, đúng chuyên ngành và đỡ mất thời gian hơn”*. Một HVCH có ý kiến riêng đối với việc sử dụng phần mềm để liên thông nguồn học liệu: *“xây dựng một cổng tra cứu chung, sau đó dùng một form mẫu cho các khoa, bộ môn lên danh sách danh mục tài liệu”*, *“sử dụng công nghệ điện toán đám mây để quản lý tập trung nguồn dữ liệu và nhằm tăng khả năng tìm kiếm”* và *“sử dụng các công cụ/phần mềm miễn phí để chia sẻ dữ liệu”*. Như vậy, đối với nhóm HVSDH, việc liên thông được nhận định cần sử dụng phần mềm để xây dựng cổng tìm kiếm tập trung có sự kết nối dữ liệu giữa Thư viện Trường và Tủ sách/Thư viện của các khoa/bộ môn, nhằm nâng khả năng quản lý tập trung nguồn học liệu của các đơn vị trong toàn trường.

Đa số nhóm người dùng tin là GV đều khẳng định tính cần thiết và tiềm năng của việc liên thông nguồn học liệu vì những lí do như: có thể *“giúp GV, SV có thể truy cập tài liệu dễ dàng”*; giúp *“GV và SV tìm kiếm một cách thuận lợi”*; *“tránh bổ sung trùng lặp dữ liệu giữa Tủ sách/Thư viện của các khoa/bộ môn và Thư viện Trường”*; *“liên thông và quản lý tập trung thông tin, dữ liệu của các khoa/bộ môn”*; *“giúp GV không bị bỏ sót tài liệu, có thể tìm tài liệu từ một nguồn chung, việc tìm kiếm sẽ tiện lợi hơn, giúp cho người đọc có nguồn tài liệu tham khảo dồi dào hơn”*; đặc biệt *“hỗ trợ cho hướng nghiên cứu liên ngành”* và *“gia tăng quảng bá hình ảnh thư viện của Nhà trường”*, từ đó *“tăng lượng bạn đọc đến sử dụng Thư viện”*. Ngoài ra, GV còn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc liên thông nguồn học liệu giữa Tủ sách/Thư viện các khoa/bộ môn

với nhau và giữa các khoa/bộ môn với Thư viện Trường là vì “*ngiên cứu hiện nay đang theo xu hướng nghiên cứu liên ngành*” nên “*có thể tham khảo tài liệu chuyên ngành trong Tủ sách/Thư viện của khoa đó sẽ đáng tin cậy hơn*”.

Chính vì vậy, kết quả khảo sát cũng cho thấy, các nhóm người dùng tin đưa ra các lý do cho rằng việc liên thông, liên thông nguồn học liệu này là *rất quan trọng* như sau:

- ✓ Tăng khả năng đáp ứng của Thư viện Trường/Thư viện nhánh về nguồn học liệu phục vụ chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu;
- ✓ Tiết kiệm thời gian khi mượn tài liệu tại các thư viện;
- ✓ Tiết kiệm thời gian tìm kiếm thông tin tại các thư viện;
- ✓ Tăng khả năng tiếp cận nguồn học liệu cho hoạt động nghiên cứu liên ngành của người dùng tin;
- ✓ Hỗ trợ công tác đảm bảo chất lượng của đơn vị và Nhà trường;
- ✓ Tiết kiệm kinh phí bổ sung nguồn học liệu cho các thư viện, đồng thời hạn chế được tình trạng bổ sung trùng lặp tài liệu.

6. Một số đề xuất nâng cao chất lượng quản lý liên thông nguồn học liệu tại Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

Vấn đề quản lý kết nối, liên thông nguồn học liệu giữa Khoa (Thư viện nhánh) – Thư viện Nhà trường (Thư viện chính) là một trong những khuynh hướng nổi bật của các thư viện trên thế giới vì những lợi ích mà hoạt động này mang lại cho các thư viện cũng như người dùng tin. Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM cũng không nằm ngoài khuynh hướng đó. Trên cơ sở khảo sát thực trạng quản lý nguồn học liệu và công tác phục vụ tại Thư viện Trường cũng như thư viện nhánh tại một số Khoa/Bộ môn, nhóm tác giả xin đưa ra một số đề xuất như sau:

- Đối với Ban Giám hiệu Nhà trường:
 - Ban hành quy định cụ thể, ràng buộc hành chính về việc quản lý liên thông nguồn học liệu giữa Thư viện Trường và các thư viện nhánh, cụ thể như: Ban hành quyết định và hệ thống các quy trình, quy định bằng văn bản liên quan đến việc tổ chức triển khai, quản lý hoạt động liên thông nguồn học liệu và tăng cường sự quan tâm và trách nhiệm của các thành viên liên quan;
 - Chú trọng đầu tư nguồn kinh phí để cải thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ việc liên thông nguồn học liệu. Cụ thể, Nhà trường cần thay mới hệ thống máy chủ của Thư viện Trường, nâng cao tốc độ đường truyền của mạng để giúp việc tra cứu bằng công cụ tìm kiếm tập trung, việc truy cập trực tuyến ổn định và nhanh chóng. Ở từng khoa/bộ môn hầu hết chưa có máy tính tra cứu tài liệu, Nhà trường cần lắp đặt ít nhất 01-02 máy tính để cán bộ - GV phụ trách Tủ sách/Thư viện của các khoa/bộ môn nhập dữ liệu tài liệu mới và SV, học viên SDH tìm kiếm tài liệu, cập nhật tình trạng mượn - trả tài liệu giữa các Thư viện nhánh và Thư viện trường. Ngoài ra, Nhà trường cần gấp rút xây dựng mới tòa nhà Thư viện theo chuẩn kiến trúc của một thư viện hiện đại từ nguồn ngân

sách Nhà nước vì bản thiết kế dự án cũ (năm 2006) không còn phù hợp với tình hình thực tế.

➤ Đối với Thư viện Trường và Thư viện nhánh:

- Áp dụng mô hình quản lý liên kết tập trung với điểm mấu chốt là xây dựng cổng tìm kiếm tập trung nguồn học liệu chuyên ngành giữa Thư viện trường và các thư viện nhánh;
- Mặt khác tại Trường, bước đầu vẫn chưa thể có một chính sách chung về giờ làm việc, thời gian mượn trả. Vì vậy, nhóm tác giả đề xuất sử dụng mô hình quản lý theo đơn vị. Cụ thể là các đơn vị vẫn giữ nguyên cách thức và chính sách phục vụ phù hợp với đặc thù của từng đơn vị. Thư viện nhánh tại các khoa/bộ môn vẫn nhận sự chỉ đạo duy nhất từ Trường đơn vị. Tuy nhiên quy trình xử lý nghiệp vụ tài liệu và phần mềm liên thông nguồn học liệu sẽ do Thư viện trường chịu trách nhiệm quản lý, đồng thời thường xuyên đào tạo và cập nhật cho các nhân viên phụ trách tại thư viện nhánh;
- Đa dạng hóa các dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, chia sẻ nguồn học liệu như: tổng mục lục, danh mục tài liệu, thư mục chuyên đề, CSDL, cổng tìm kiếm tập trung nguồn học liệu chuyên ngành và dịch vụ sao chép, số hóa tài liệu, dịch vụ biên soạn thư mục theo chuyên đề,...;
- Tăng cường công tác tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ liên lạc, cán bộ phụ trách thư viện nhánh;
- Tăng cường công tác tập huấn, hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý nguồn học liệu và cổng tìm kiếm tập trung nguồn học liệu cho người sử dụng;
- Tổ chức các hoạt động tập huấn người dùng tin, quảng bá phần mềm quản lý nguồn học liệu và cổng tìm kiếm tập trung.

7. Kết luận

Trong điều kiện tại Trường ĐH KH&NV, ĐHQG-HCM, tình trạng các thư viện nhánh hình thành nhưng không có sự hợp tác chặt chẽ với Thư viện Trường đã và đang dẫn đến việc giảm hiệu quả đối với việc tiếp cận thông tin của người học và người dạy. Từ kinh nghiệm của các trường đại học thế giới, mô hình quản lý liên kết thư viện dựa trên việc liên thông nguồn học liệu bằng cách sử dụng phần mềm liên thông và cổng tìm kiếm tập trung được đánh giá bước đầu là khả thi và có thể nâng cao hiệu quả phục vụ. Tuy nhiên, một điều lưu ý trong quá trình quản lý liên thông nguồn học liệu bằng cách sử dụng phần mềm liên thông là: cần xem xét những yếu tố về con người, cấu trúc tổ chức và quản lý có thể ảnh hưởng đến kết quả của việc liên thông nguồn học liệu nói riêng và việc liên thông giữa thư viện nhánh và Thư viện Trường nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Abu Bakar, Ahmad Bakeri (2009). Partnership between Librarians and Faculty at a Malaysian University Library: A Focus Group Survey. *Library Philosophy and Practice*. 2009 (June):1-5. Available from: <https://digitalcommons.unl.edu/libphilprac/280>. Accessed July 30, 2019.
- Anglada, L. M. (1999). Working together, learning together: The Consortium of Academic Libraries of Catalonia. *Information Technology and Libraries* 18(3): 139-144.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). *Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học* (Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017).
- Đỗ Tiến Vượng (2013). Nghiên cứu mô hình liên kết chia sẻ nguồn lực thông tin giữa các thư viện đại học khối Kỹ thuật ở Việt Nam. *Tạp chí Thư viện Việt Nam* 1: 36-40.
- Đỗ Văn Hùng (2017). Hợp tác chia sẻ tài nguyên thông tin giữa các thư viện đại học trong kỷ nguyên số. Trong sách chuyên khảo *Xây dựng và phát triển thư viện số Việt Nam, quá khứ - hiện tại - tương lai*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Ka, W. F. (2005). The role of university libraries in supporting research in Hong Kong: facing a new challenge. *Campus-Wide Information Systems* 22(1): 43-50.
- MacColl, J. (2010). Library Roles in University Research Assessment. *LIBER Quarterly* 20(2): 152–168. DOI: <http://doi.org/10.18352/lq.7984>
- McLaren, M. (2001). Team structure: establishment and evolution within technical services at the University of Kentucky Libraries. *Library Collections, Acquisitions, and Technical services* 25(4): 357-369.
- Reitz, J. M. (2002). *ODLIS: Online Dictionary of Library and Information Science*. Available from: <http://vlado.fmf.uni-lj.si/pub/networks/data/dic/odlis/odlis.pdf>. Accessed July 30, 2019.
- Seal, R. A. (1986). Academic Branch Libraries. *Advances in Librarianship* 14(1): 175-209.
- Võ Thị Hải Vân, Trần Thị Hiền (2007). Liên kết các thư viện đại học trong triển khai hoạt động dịch vụ Thư viện số. Trong sách chuyên khảo *Xây dựng và phát triển thư viện số Việt Nam, quá khứ - hiện tại - tương lai*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Zdravkovska, N. (2011). *Academic Branch Libraries in Changing Times*. Oxford: Chandos Publishing.